

Bản án số: 113/2017/HSST
Ngày: 27/11/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đăng Bảy.

2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tinh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:
Ông Trương Thanh Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù
Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số:
107/2017/HSST ngày 23 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đình D; Sinh năm 1976**, tại H

Nơi cư trú: Thôn x, xã T, huyện ù Đăng, tỉnh B

Số chứng minh nhân dân: Không; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn:
07/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Đình Q, sinh năm 1949 và bà Hoàng Thị
H, sinh năm 1949; Vợ Đồng Thị X, sinh năm 1974 và 03 con, lớn nhất sinh năm
1998, nhỏ nhất sinh năm 2008. Tiền sự, Tiền án: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm
giam từ ngày 24/8/2017 đến nay (Có mặt)

- Người bị hại: Vợ chồng ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975 bà Phan Thị
Mỹ D1, sinh năm 1975. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã Đ, huyện B, tỉnh B

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Vân A; Sinh năm 1998. (Vắng mặt)

2. Đồng Thị X; Sinh năm 1975. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã T, huyện B, tỉnh B

3. Nguyễn Thị Mỹ H; Sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn x, xã Đ, huyện B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23 tháng 7 năm 2017, Nguyễn Đình D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 52U5 – 6xxx đi từ nhà của D đến nhà ông Hoàng Văn Ngân tại thôn x, xã Đ, huyện B, tỉnh B để vay tiền. Khi đến nơi, D thấy nhà của ông Nguyễn Thanh B gần nhà ông Ngân khóa cửa nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Lúc này, D điều khiển xe quay về nhà mình ở tại thôn 9, xã Thông Nhất, huyện Bù Đăng lấy 01 thanh kim loại bằng sắt (xà beng) rồi điều khiển xe quay lại nhà của anh B. D đi ra phía sau nhà dùng xà beng cạy cửa vào bên trong nhà, lấy 01 ổ khóa móc vào cửa phía trước (cửa chính) nhằm không cho người nhà về mở cửa được. D đi đến bàn để máy vi tính trong phòng khách lấy 01 điện thoại nhãn hiệu Sony M4 bỏ vào túi quần, rồi đi tiếp vào phòng ngủ của anh B lấy được số tiền khoảng 10.000.000 đồng để trong 01 cái ví da, 01 cái túi vải trên đầu giường ngủ và sử dụng xà beng cạy kết sắt lấy chiếc hộp bằng sành bên trong có 02 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, trơn (bằng vàng 24 kara) và 01 chiếc nhẫn kiểu kim loại màu vàng (vàng 18 kara). Khi lấy được tài sản D tiếp tục đi sang phòng ngủ của con gái anh B kéo ngăn tủ quần áo lục lấy 01 bọc ni lông màu đen bên trong có 05 đến 06 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, trên đường về nhà D đã vứt chiếc hộp bằng sành xuống mương nước ngay “Cổng Đồi” thuộc địa phận thôn x, xã Đ. Số tài sản còn lại D đem về cất giấu ở trong chuồng gà phía sau nhà. Trước khi cất giấu D đem tài sản ra kiểm tra thì đếm được tổng số tiền là 320.000.000 đồng; 01 điện thoại SONY M4; 02 nhẫn vàng trơn kim loại màu vàng (vàng 24 kara). Đối với chiếc nhẫn kiểu kim loại màu vàng (vàng 18 kara) D đã làm mất trên đường về. D lấy số tiền 20.000.000 đồng để tiêu xài còn chiếc điện thoại SONY M4 cho con gái tên Nguyễn Thị Vân A sử dụng. Do biết cơ quan điều tra biết mình là người phạm tội, bản thân bị cáo biết không thể trốn tránh được nên ngày 24 tháng 8 năm 2017, Nguyễn Đình D đã đến Công an huyện Bù Đăng đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày ngoài số tài sản của cha mẹ mà bị cáo chiếm đoạt thì chị còn mất số tiền 180.000.000đ.

Đối với Nguyễn Thị Vân A được bị cáo cho sử dụng chiếc điện thoại SONY M4 nhưng do A không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về

tội danh mà bị cáo bị truy tố. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo.

Tại Kết luận định giá tài sản số 68 và 69/KL – ĐG, ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bù Đăng kết luận tại thời điểm bị chiếm đoạt: 01 điện thoại di động SONY M4 đã qua sử dụng có giá trị là 3.500.000 đồng; 02 nhẫn kim loại màu vàng 24 ka ra (9999) có trọng lượng 04 chỉ trị giá 14.500.000 đồng; 01 nhẫn kim loại màu vàng 18 kara, trọng lượng 01 chỉ trị giá 2.486.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ số tiền 300.000.000 đồng, 01 điện thoại SONY M4 và 02 nhẫn bằng vàng 9999 (04 chỉ). Các tài sản trên đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Thanh B, chị Phan Thị Mỹ D1; Thu giữ 01 xe mô tô biển kiểm soát: 52U5 – 6xxx, 01 điện thoại Iphone5 màu trắng, 01 thanh kim loại bằng sắt (xà beng) dài 01 mét; 01 bộ quần áo của bị cáo Nguyễn Đình D.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không ai có ý kiến về những tài liệu nêu trên. Kiểm sát viên đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphone5 màu trắng, 01 xe mô tô là công cụ và phương tiện dùng vào việc phạm tội. Tịch thu tiêu hủy 01 cây xà beng, 01 bộ quần áo là công cụ và đồ dùng cho việc phạm tội.

Tại bản cáo trạng số: 103/CTr – VKS ngày 23/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Nguyễn Đình D về “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm a Khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm “Tội trộm cắp tài sản”; Về hình phạt áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 138, điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47 ; Điều 33 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù;

Về vật chứng vụ án và án phí giải quyết theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Đình D thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 23 tháng 7 năm 2017, Nguyễn Đình D đến nhà ông Hoàng Văn Ngân tại thôn x, xã Đ, huyện B, tỉnh B để vay tiền. Khi đến nơi, D thấy nhà của anh Nguyễn Thanh B gần nhà ông Ngân khóa cửa nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Sau đó, D điều khiển xe quay về nhà mình ở tại thôn 9, xã Thống Nhất, lấy 01 thanh kim loại xà beng bằng sắt rồi điều khiển xe quay lại nhà của anh B. Đến nơi, D đi ra phía sau nhà dùng xà beng cạy cửa vào bên trong nhà, lấy 01 ổ khóa móc vào cửa phía trước (cửa chính) nhằm không cho người nhà về mở cửa được. D đi đến bàn để máy vi tính trong phòng khách lấy 01 điện thoại nhãn hiệu Sony M4 bỏ vào túi quần, rồi đi tiếp vào phòng ngủ của anh B lấy được số tiền khoảng 10.000.000 đồng để trong 01 cái ví da, 01 cái túi vải trên đầu giường ngủ và sử dụng xà beng cạy kết sắt lấy chiếc hộp bằng sành bên trong có 02 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, trơn (bằng vàng 24 kara) và 01 chiếc nhẫn kiểu kim loại màu vàng (vàng 18 kara). Khi lấy được tài sản D tiếp tục đi sang phòng ngủ của con gái anh B kéo ngăn tủ quần áo lục lấy 01 bọc ni lông màu đen bên trong có 05 đến 06 cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, trên đường về nhà D đã vứt chiếc hộp bằng sành xuống mương nước ngay “Cổng Đồi” thuộc địa phận thôn x, xã Đ. Số tài sản còn lại D đem về cất giấu ở trong chuồng gà phía sau nhà. Trước khi cất giấu D đem tài sản ra kiểm tra thì đếm được tổng số tiền là 320.000.000 đồng, 01 điện thoại SONY M4, 02 nhẫn vàng trơn kim loại màu vàng (vàng 24 kara). Đối với chiếc nhẫn kiểu kim loại màu vàng (vàng 18 kara) D đã làm mất trên đường về. D lấy số tiền 20.000.000 đồng để tiêu xài còn chiếc điện thoại SONY M4 cho con gái tên Nguyễn Thị Vân A sử dụng. Do biết cơ quan điều tra biết mình là người phạm tội, bản thân bị cáo biết không thể trốn tránh được nên ngày 24 tháng 8 năm 2017, Nguyễn Đình D đã đến Công an huyện Bù Đăng đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi lén lút chiếm đoạt tiền và tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác của bị cáo Nguyễn Đình D với tổng giá trị là 340.486.000đ đã phạm vào “Tội trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

2.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng”;

Như vậy, nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng do lười lao động muốn có tiền tiêu sài nên đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với số tài sản lớn. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p Khoản 1 Điều 46 Bộ Luật Hình sự. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, tự nguyện chỉ ra nơi cất giấu tài sản để trả lại cho người bị hại. Bị cáo còn có cha là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba. Người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Sau khi cân nhắc mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Tuy nhiên cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần cho bị cáo khi quyết định hình phạt. -

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Người bị hại là ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị Mỹ D1 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với ý kiến của chị Nguyễn Thị Mỹ H về số tiền 180.000.000đ bị mất thêm, quá trình điều tra không chứng minh được, Viện kiểm sát không truy tố. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đồng Thị X không có ý kiến về số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo, không yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ bồi hoàn lại.

[6] Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ số tiền 300.000.000 đồng, 01 điện thoại SONY M4 và 02 nhẫn bằng vàng 9999. Các tài sản trên đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn Thanh B, chị Phan Thị Mỹ D1, xét thấy việc trả lại tài sản trên là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với vật chứng thu giữ khác gồm: 01 xe mô tô biển kiểm soát: 52U5 – 6xxx, 01 điện thoại Iphone5 màu trắng, 01 thanh kim loại bằng sắt (xà beng) dài 01 mét; 01 áo khoác cũ màu đen, 01 quần dài cũ màu đen. Hội đồng xét xử thấy vật chứng là 01 điện thoại Iphone5 màu trắng và 01 xe mô tô biển kiểm soát: 52U5 – 6xxx là tài sản của bị cáo Nguyễn Đình D, bị cáo sử dụng làm công cụ và phương tiện dùng vào việc phạm tội, căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự, điểm a Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 cây xà beng, 01 bộ quần áo là công cụ cho việc phạm tội, xét thấy không còn giá trị sử dụng, căn cứ vào điểm a Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình D phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 138, điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình D 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/8/2017.

[2] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 41 bộ luật hình sự và điểm a Khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh kim loại bằng sắt (xà beng) dài 01 mét; 01 áo khoác cũ màu đen, 01 quần dài cũ màu đen.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu KWA, màu xanh đen, biển kiểm soát: 52U5 – 6xxx, số khung 019019 và 01 điện thoại Iphone5 màu trắng, số Imeil 4108032. (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0009548 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng).

[3]. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đình D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương, nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.,

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thành Long